TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hưng Đ, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố Phước Thái, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thanh L, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ng; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hưng Đ trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đ và bà Ngô Thị Thanh L có thời gian tìm hiểu nhau được 03 năm thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn (nay là phường) Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và

được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 173, Quyển số 01 ngày 10/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ ông Đ tại tổ 1, khu phố Phước Thái, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2004, vợ chồng qua phường Khánh Bình thuê đất để buôn bán. Đến năm 2012, mua đất và xây nhà tại khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không những vậy bà L sống thiếu trách nhiệm với chồng, con. Do đó đến tháng 7/2014, ông Đ đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với bà L. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải cán bộ Tòa án đã vận động vợ chồng quay lại sống với nhau nên ông Đ đã tự nguyện rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Ông Đ đã tạo nhiều cơ hội cho bà L thể hiện trách nhiệm của người vợ, người mẹ nhưng sự việc vẫn không chuyển biến tích cực. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay ông Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể nào tháo gỡ, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh L.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hồng Y, sinh ngày 08/7/2004 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 27/6/2009. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng với ông Đ. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Hồng Y và Ngọc Y; không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 8 năm 2017 và quá trình làm việc bà Ngô Thị Thanh L trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L thống nhất với lời trình bày của ông Trần Hưng Đ về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn này nọ nhưng sau đó đã hàn gắn. Tuy nhiên đến năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Đ có tính gia trưởng, mỗi lần làm việc gì, quyết định vấn đề gì đều theo ý của mình, thậm chí mỗi lần vợ chồng có lời qua tiếng lại ông Đ đều dùng lời lẽ thu tục chửi mắng bà L, bà L đã nhiều lần khuyên chồng không nên dùng những lời lẽ khó nghe như vậy để chửi mắng vợ con nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Trong một lần vợ chồng cãi nhau, do nóng giận nên bà L có dùng lời lẽ xúc phạm tới ông Đ, viện vào lý do này ông Đ đã bỏ về bên cha mẹ đẻ tại tổ 1, khu phố Phước Thái, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sống cho đến nay. Tháng 7/2014, ông Đ có nộp đơn xin ly hôn với bà L nhưng sau đó đã rút đơn. Bà L đã nhiều lần xin ông Đ tha thứ nhưng ông Đ vẫn không tha thứ. Thậm chí còn lạnh nhạt với bà L, vợ chồng chỉ nói chuyện với nhau liên quan đến vấn đề học tập của các con, còn các vấn đề khác thì không. Bên gia đình chồng nhiều lần khuyên bà L nên về bên gia đình chồng sống chung với ông Đ và các con nhưng biểu hiện của ông Đ luôn lạnh nhạt nên bà L không về. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, bà L không đồng ý vì còn thương chồng và không muốn các con thiếu cha hoặc thiếu mẹ.

+ *Về con chung*: Bà L thống nhất vợ chồng có 02 con chung như ông Đ trình bày. Bà L không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì bà L đồng ý giao con chung tên Trần Hồng Y và Trần Ngọc Y cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung thì bà L có bao nhiêu thì cấp bấy nhiêu.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà L có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trần Hưng Đ và bà Ngô Thị Thanh L thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2017 của cháu Trần Hồng Y và Trần Ngọc Y trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu Hồng Y và Ngọc Y có nguyện vọng được sống với ông Trần Hưng Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hưng Đ, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Hưng Đ được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh L.

+ Về con chung: Do ông Trần Hưng Đ hiện đang nuôi dưỡng 02 cháu Trần Hồng Y và Trần Ngọc Y nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bị đơn bà Ngô Thị Thanh L vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Ngô Thị Thanh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hưng Đ và bà Ngô Thị Thanh L là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 173, Quyển số 01 ngày 10/6/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, ông Đ cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, bà L sống thiếu trách nhiệm với chồng, con. Tháng 7/2014, ông Đ nộp đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với bà L, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên cho đến nay bà L vẫn không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Tại các văn bản trình bày ý kiến, bị đơn bà Ngô Thị Thanh L không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại bà L không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ chồng, nhưng quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà L đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông Đ và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hồng Y, sinh ngày 08/7/2004 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 27/6/2009. Hiện nay 02 cháu đang sống với ông Đ. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L đồng ý giao con chung Hồng Y và Ngọc Y cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ý kiến của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hồng Y và Trần Ngọc Y.

Tại phiên tòa, ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho ông Đ rõ về quyền lợi của con chưa thành niên và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng ông Đ vẫn tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Đ.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Trần Hưng Đ phải nộp án phí Hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Hưng Đ và bà Ngô Thị Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Hồng Y, sinh ngày 08/7/2004 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 27/6/2009 cho ông Trần Hưng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc không yêu cầu bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hưng Đ và bà Ngô Thị Thanh L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hưng Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013118 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (ông Trần Hưng Đ không phải nộp thêm).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Hưng Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Ngô Thị Thanh

L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm